

Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực sư phạm của sinh viên: Nghiên cứu tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Dư Thống Nhất¹, Nguyễn Văn Hiến²,
Phan Thị Hằng³

¹ Email: nhatdt@hcmue.edu.vn

² Email: hiennv@hcmue.edu.vn

³ Email: hangpt@hcmue.edu.vn

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TÓM TẮT: Bài viết trình bày kết quả khảo sát yếu tố ảnh hưởng đến năng lực sư phạm trên 187 sinh viên sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Mục đích của nghiên cứu là xác định mức độ tự đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến năng lực sư phạm của sinh viên. Nghiên cứu này chủ yếu sử dụng phương pháp định lượng. Kết quả cho thấy, sinh viên tự đánh giá các yếu tố Thực hành môn học; Rèn luyện nghiệp vụ; Thái độ với nghề; Tham gia các hoạt động có ảnh hưởng tích cực đến năng lực sư phạm của sinh viên.

TỪ KHÓA: Năng lực sư phạm; yếu tố ảnh hưởng; sinh viên sư phạm.

→ Nhận bài 16/5/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 26/5/2021 → Duyệt đăng 05/7/2021.

1. Đặt vấn đề

Năng lực sư phạm (NLSP) là khả năng vận dụng tổng hợp các phẩm chất tâm lý và khả năng chuyên môn của người dạy trong những hoàn cảnh sư phạm cụ thể nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu dạy học và giáo dục [1], [2]. Theo các nghiên cứu trước đây, NLSP và tự đánh giá NLSP của sinh viên (SV) đã được xác định trong một số tài liệu, nhưng những yếu tố ảnh hưởng NLSP của SV vẫn chưa được làm sáng tỏ [3], [4], [5], [6]. Nghiên cứu ban đầu cho thấy, “thuyết phục xã hội” là nhân tố ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến tự đánh giá NLSP của giáo viên [7]. Trong bối cảnh Việt Nam, đến nay chưa có nhiều nghiên cứu định lượng chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng NLSP của SV. Kết quả nghiên cứu sẽ giúp xác định có bao nhiêu yếu tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến NLSP của SV. Ngoài ra, có thể giúp các nhà giáo dục tìm ra chiến lược hiệu quả để cải thiện chất lượng giảng dạy.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Khách thể nghiên cứu

Để tìm hiểu thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến tự đánh giá NLSP, chúng tôi tiến hành lấy mẫu ngẫu nhiên thông qua việc kêu gọi sự tình nguyện tham gia của SV các ngành Sư phạm của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Phương thức lấy ý kiến bằng công cụ Google Form. Số lượng phản hồi hợp lệ là 187 SV. Trong đó, 22,5% (43 SV) là nam, 77,5% (145 SV) là nữ; 50,8% (95 SV) năm thứ 2, 17,6% (33 SV) năm thứ 3, 31,6% (59 SV) năm thứ 4; 12,8% (24 SV) ngành Tự nhiên, 28,9% (54 SV) ngành Xã hội, 14,4% (27 SV)

ngành Ngoại ngữ, 43,3% (81 SV) ngành Đặc thù. Thời gian khảo sát từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 7 năm 2019. Đặc điểm khách thể nghiên cứu được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1: Đặc điểm của khách thể nghiên cứu

Đặc điểm	Tần số	Tỉ lệ %	Dữ liệu khuyết	
Giới tính	Nam	42	22,5	
	Nữ	145	77,5	
Năm học	Thứ hai	95	50,8	
	Thứ ba	33	17,6	
	Thứ tư	59	31,6	-
	Khối ngành	Tự nhiên	24	12,8
	Xã hội	54	28,9	1 dữ liệu khuyết (chiếm 0,5%)
	Ngoại ngữ	27	14,4	
	Đặc thù	81	43,3	

2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, phương pháp chủ yếu được sử dụng là điều tra bằng bảng hỏi. Công cụ nghiên cứu gồm 7 thang đo. Thang đo (1), (2) và (3) về tự đánh giá các yếu tố ảnh hưởng thúc đẩy NLSP của SV được nhóm tác giả biên soạn và đo bằng thang Likert 5 mức: 1 = Không ảnh hưởng; 2 = Ít ảnh hưởng; 3 = Ảnh hưởng vừa phải; 4 = Khá ảnh hưởng; 5 = Rất ảnh hưởng. Thang đo (4), (5) và (6) về tự đánh giá các yếu tố ảnh hưởng hạn chế NLSP của SV được nhóm tác giả biên soạn và đo bằng thang Likert 3 mức: 1 = Không đồng ý; 2 = Phân vân; 3 = Đồng ý. Các biến quan sát

Bảng 2: Thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến NLSP của SV

STT	Thang đo	Biến quan sát
1	Thực hành các môn học	Thực hành qua các học phần về Tâm lí học; Thực hành qua các học phần về Giáo dục học; Thực hành qua quá trình học các môn học.
2	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	Rèn luyện qua học phần nghiệp vụ sư phạm thường xuyên; Rèn luyện tại các trường trung học phổ thông (qua các đợt thực tập sư phạm 1 và 2); Tự học, tự rèn luyện.
3	Tham gia các hoạt động (ngoại khóa)	Tham gia các hội thi nghiệp vụ sư phạm; Tham gia hoạt động của các câu lạc bộ; Tham gia nghiên cứu khoa học.
4	Thái độ với nghề nghiệp	Tôi chưa hứng thú với nghề sư phạm; Tôi chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của NLSP; Tôi chưa nắm được mục tiêu về NLSP; Tôi chưa hiểu biết về nội dung của NLSP; Tôi chưa có biện pháp hình thành NLSP thích hợp; Tôi bị hạn chế khả năng ngôn ngữ.
5	Phương pháp giảng dạy của giảng viên	Giảng viên có trình độ nghiệp vụ sư phạm còn non; Giảng viên hướng dẫn thực tập sư phạm chưa đặt yêu cầu cao đối với SV; Giảng viên chưa thực sự quan tâm đến việc hình thành NLSP cho SV; Giảng viên ít chú ý giám sát, đôn đốc việc hình thành NLSP; Giảng viên ít đưa ra những biện pháp hình thành NLSP.
6	Hỗ trợ của nhà trường	Nhà trường chưa thường xuyên tổ chức hoạt động hình thành NLSP; Nhà trường chưa xác định rõ hệ thống kĩ năng sư phạm cần hình thành cho SV; Nhà trường chưa tổ chức kiểm tra đánh giá việc hình thành NLSP; Nhà trường quản lí chưa chặt chẽ trong quá trình đào tạo; Nhà trường chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ phận trong quá trình tổ chức hoạt động hình thành NLSP cho SV; Trường đại học sư phạm chưa có sự phối hợp chặt chẽ với trường trung học phổ thông trong quá trình tổ chức hoạt động hình thành NLSP cho SV.
7	NLSP của SV	Năng lực dạy học (NLDH): Quản lí lớp học; Hiểu học sinh trong quá trình dạy học; Trang bị tri thức; Chế biến tài liệu học tập; Chiến lược dạy học; Sử dụng ngôn ngữ; Năng lực giáo dục (NLGD): Thu hút học sinh tham gia lớp học; Vạch dự án phát triển nhân cách của học sinh, Giao tiếp sư phạm; Cảm hóa học sinh; Ứng xử sư phạm; Tổ chức hoạt động sư phạm.

của thang đo (4), (5) và (6) là những câu hỏi phát biểu tiêu cực. Ngoài ra, thang đo (7) về tự đánh giá NLSP của SV được đo bằng thang Likert 5 mức: 1 = Kém; 2 = Yếu; 3 = Trung bình; 4 = Khá; 5 = Tốt. Thang đo này được biên soạn dựa vào công cụ nghiên cứu NLSP của Tschannen-Moran và Hoy (2001) và của Nguyễn Đức Sơn cùng các cộng sự (2015). Các thang đo và biến quan sát được thể hiện ở Bảng 2.

2.1.3. Cách xử lí số liệu

Dữ liệu sau khi thu thập được nhập vào phần mềm thống kê ứng dụng R để phân tích. Các phép tính điểm trung bình và độ lệch chuẩn được dùng để tính các thông số cho các biến quan sát; Hệ số tin cậy (Cronbach's alpha, α) được sử dụng để kiểm định độ tin cậy của thang đo; Tương quan Pearson được phân tích để hệ số tương quan giữa các biến nghiên cứu. Phương pháp hồi quy từng bước (stepwise regression) được sử dụng để dự đoán các biến độc lập tác động đến sự biến thiên của biến phụ thuộc.

Cách cho điểm (thang 5 mức): Tương ứng với từng biến quan sát, các giá trị tiêu cực nhất được cho 1 điểm và giá trị tích cực nhất được cho 5 điểm. Cách tính điểm cho các khoảng trung bình: (Điểm cao nhất - Điểm thấp nhất) / Số mức = 0,80. Biến quan sát nào có khoảng điểm trung bình (ĐTB) chung từ 1,00 - 1,80 = “Không ảnh hưởng”/“Kém”; từ 1,81 - 2,60 = “Ít ảnh hưởng”/“Yếu”; từ 2,61 - 3,40 = “Ảnh hưởng

vừa phải”/“Trung bình”; từ 3,41 - 4,20 = “Khá ảnh hưởng”/“Khá”; từ 4,21 - 5,00 = “Rất ảnh hưởng”/“Tốt” vào NLSP của bản thân. Đối với thang đo 3 mức độ, cách tính điểm cho các khoảng trung bình là: (Điểm cao nhất - Điểm thấp nhất) / Số mức = 0,67. Biến nào có khoảng điểm trung bình chung từ 1,00 - 1,67 = “Không đồng ý”; từ 1,68 - 2,34 = “Phân vân”; từ 2,35 - 3,00 = “Đồng ý” có ảnh hưởng đến NLSP của SV. Đối với các câu phát biểu tiêu cực (thuộc thang đo 4, 5, 6) được quy đổi sang điểm tích cực trước khi phân tích thống kê để nhất quán các giá trị của các thang đo lường (cùng một hướng tích cực).

2.1.4. Hệ số tin cậy của các thang đo

Hệ số Cronbach's Alpha của từng thang đo lần lượt như sau: 1) Thực hành các môn học = 0,848; 2) Rèn luyện nghiệp vụ = 0,833; 3) Tham gia các hoạt động = 0,803; 4) Thái độ với nghề = 0,842; 5). Phương pháp dạy học = 0,844; 6) Hỗ trợ của trường = 0,891; 7) NLSP = 0,985. Hệ số tin cậy của các thang đo từ 0,803 đến 0,985 là tương đối cao [8], [9]. Điều này chứng tỏ các biến quan sát trong cùng yếu tố đo lường cùng một khái niệm.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Kết quả tự đánh giá năng lực sư phạm và các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực sư phạm của sinh viên

Kết quả thống kê mô tả thể hiện ở Bảng 3 cho thấy, SV tự đánh giá các yếu tố: Thực hành các môn học; Rèn

luyện nghiệp vụ; Tham gia các hoạt động; Thái độ với nghề; Phương pháp dạy học; Hỗ trợ của trường đều ảnh hưởng ở mức độ khá đến NLSP của bản thân.

Bảng 3: Kết quả tự đánh giá NLSP và các yếu tố ảnh hưởng đến NLSP của SV

Biến số	Yếu tố	ĐTB	Độ lệch chuẩn
Biến độc lập	1. Thực hành các môn học	3,73	0,84
	2. Rèn luyện nghiệp vụ	4,13	0,83
	3. Tham gia các hoạt động	3,44	0,89
	4. Thái độ với nghề	2,22	0,60
	5. Phương pháp dạy học	2,09	0,63
	6. Hỗ trợ của trường	1,98	0,65
Biến phụ thuộc	7. NLSP	3,66	0,66

2.2.2. Mối tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng với năng lực sư phạm của sinh viên

Theo Bảng 4, kết quả tương quan được thể hiện cụ thể như sau: NLSP có mối tương quan dương với Thực hành các môn học ($r=0,534, p<0,01$), Rèn luyện nghiệp vụ ($r=0,485, p<0,01$), Tham gia các hoạt động ($r=0,463, p<0,01$) với Thái độ với nghề ($r=0,329, p<0,01$), với Phương pháp dạy học ($r=0,228, p<0,01$), Hỗ trợ của trường ($r=0,224, p<0,01$). Điều này có nghĩa là điểm số về NLSP của SV sẽ tăng nếu điểm số về Thực hành các môn học, Rèn luyện nghiệp vụ, Tham gia các hoạt động, Thái độ với nghề, Phương pháp dạy học, Hỗ trợ của trường tăng và ngược lại. Dựa vào hệ số tương quan của Hinkle & Jurs (2003), ta thấy NLSP của SV có tương quan trung bình với Thực hành các môn học; tương quan thấp với Rèn luyện nghiệp vụ, Tham gia các hoạt động, Thái độ với nghề, tương quan không đáng kể với Phương pháp dạy học và Hỗ trợ của trường. Kết quả tương quan giữa các biến là cơ sở để tiến hành phân tích hồi quy xác định yếu tố ảnh hưởng NLSP của SV.

Bảng 4: Kết quả mối tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng với NLSP của SV

Các biến	1	2	3	4	5	6
1. Thực hành các môn học	-					
2. Rèn luyện nghiệp vụ	0,661**	-				
3. Tham gia các hoạt động	0,627**	0,563**	-			
4. Thái độ với nghề	0,305**	0,177*	0,192**	-		
5. Phương pháp dạy học	0,216**	0,055	0,144*	0,587**	-	
6. Hỗ trợ của trường	0,251**	0,015	0,199**	0,559**	0,688**	-
7. NLSP	0,534**	0,485**	0,463**	0,329**	0,228**	0,224**

Chú thích: * = Tương quan có ý nghĩa ở mức 0,05 (2 đuôi); ** = Tương quan có ý nghĩa ở mức 0,01 (2 đuôi).

2.2.3. Kết quả tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực của sinh viên

a. Tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến NLDH của SV

Phân tích hồi quy từng bước (stepwise regression) được áp dụng bằng cách đưa vào các biến độc lập gồm: Thực hành các môn học, Rèn luyện nghiệp vụ, Tham gia các hoạt động, Thái độ với nghề, Phương pháp dạy học, Hỗ trợ của trường để dự đoán sự biến thiên của biến phụ thuộc là NLDH của SV. Mô hình hồi quy chứa ba trong số sáu biến dự đoán khi đạt được trong bước thứ ba mà không loại bỏ thêm biến nào. Mô hình có ý nghĩa thống kê với $F=35,548; p<0,001$ và giải thích được 36,8% sự biến thiên NLDH của SV ($R^2=0,368$). Kết quả cho thấy, ba yếu tố: Thực hành các môn học, Rèn luyện nghiệp vụ và Thái độ với nghề ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến NLDH của SV ($p<0,05$). Mối quan hệ giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc là mối quan hệ tác động tích cực (trị Beta dương). Khi các biến được kiểm soát, nếu Thực hành các môn học tăng một điểm thì NLDH tăng 0,25 điểm, Rèn luyện nghiệp vụ tăng 1 điểm thì NLDH tăng 0,21 điểm, Thái độ với nghề tăng 1 điểm thì NLDH tăng 0,20 điểm. Theo các hệ số beta được chuẩn hóa (β), Thực hành các môn học ($\beta=0,318$), Rèn luyện nghiệp vụ ($\beta=0,263$) nhận được trọng số ảnh hưởng mạnh nhất, Thái độ với nghề ($\beta=0,185$) có trọng số ảnh hưởng thấp nhất trong mô hình. Với độ chấp nhận của các biến đều nhỏ hơn 1 và các hệ số phóng đại phương sai nhỏ hơn 10 cho thấy hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra là rất thấp hay có thể nói hầu như không xảy ra [8]. Các biến Tham gia các hoạt động, Phương pháp dạy học, Hỗ trợ của trường giải thích rất ít sự biến thiên NLDH của SV, do đó không được đưa vào mô hình (xem Bảng 5).

Phương trình hồi quy được tạo ra từ mô hình này là: $NLDH = 1,420 + 0,247*(\text{Thực hành các môn học}) + 0,207*(\text{Rèn luyện nghiệp vụ}) + 0,202*(\text{Thái độ với nghề})$.

Bảng 5: Kết quả phân tích hồi quy từng bước giữa các yếu tố ảnh hưởng đến NLDH của SV

Mô hình	R	R ²	t	B	β	ĐCN	VIF	Hằng số
Thực hành các môn học	0,548	0,300	3,927***	0,247	0,318	0,527	1,898	1,420
Rèn luyện nghiệp vụ	0,581	0,337	3,357**	0,207	0,263	0,563	1,777	
Thái độ với nghề	0,607	0,368	3,002**	0,202	0,185	0,906	1,104	

F = 35,548; p = 0,000

(Chú thích: **= p < 0,01; ***= p < 0,001. R= Hệ số tương quan; B= Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa; β= Hệ số hồi quy chuẩn hóa; ĐCN= Độ chấp nhận; VIF= Hệ số phóng đại phương sai)

Bảng 6: Kết quả phân tích hồi quy từng bước giữa các yếu tố ảnh hưởng đến NLGD của SV

Mô hình	R	R ²	t	B	β	ĐCN	VIF	Hằng số
Thực hành các môn học	0,509	0,259	0,319***	0,272	0,319	0,572	1,749	1,576
Thái độ với nghề	0,537	0,288	0,180**	0,214	0,180	0,907	1,102	
Tham gia các hoạt động	0,562	0,316	0,214**	0,172	0,214	0,607	1,647	

F = 28,168; p = 0,000

(Chú thích: **= p < 0,01; ***= p < 0,001. R= Hệ số tương quan; B= Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa; β= Hệ số hồi quy chuẩn hóa; ĐCN= Độ chấp nhận; VIF= Hệ số phóng đại phương sai)

b. Tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến NLGD của SV

Phân tích hồi quy từng bước là đưa vào các biến độc lập gồm: Thực hành các môn học, Rèn luyện nghiệp vụ, Tham gia các hoạt động, Thái độ với nghề, Phương pháp dạy học, Hỗ trợ của trường để dự đoán NLGD của SV. Mô hình hồi quy chứa ba trong số sáu biến dự đoán khi đạt được trong bước thứ ba mà không loại bỏ thêm biến nào. Mô hình có ý nghĩa thống kê với F=28,168; p<0,001 và giải thích được 31,6% sự biến thiên NLGD của SV (R²=0,316). Kết quả cho thấy, ba yếu tố: Thực hành các môn học, Thái độ với nghề và Tham gia các hoạt động ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến NLGD của SV (p<0,05). Mỗi quan hệ giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc là mối quan hệ tác động tích cực (trị Beta dương). Nghĩa là, bất kì yếu tố nào trong ba yếu tố này được cải thiện đều có thể làm gia tăng điểm số NLGD của SV. Khi các biến được kiểm soát, nếu Thực hành các môn học tăng 1 điểm thì NLGD tăng 0,27 điểm, Thái độ với nghề tăng 1 điểm thì NLGD tăng 0,21 điểm, Tham gia các hoạt động tăng 1 điểm thì NLGD tăng 0,17 điểm. Theo các hệ số beta được chuẩn hóa (β), Thực hành các môn học (β=0,319), Tham gia các hoạt động (β=0,214) nhận được trọng số ảnh hưởng mạnh nhất và Thái độ với nghề (β= 0,180) có trọng số ảnh hưởng thấp nhất trong mô hình. Với độ chấp nhận của các biến đều nhỏ hơn 1 và các hệ số phóng đại phương sai nhỏ hơn 10 cho thấy hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra là rất thấp hay có thể nói hầu như không xảy ra [8]. Các biến Rèn luyện nghiệp vụ, Phương pháp dạy học, Hỗ trợ của trường giải thích rất ít sự biến thiên NLGD của SV, do đó không được đưa vào mô hình

(xem Bảng 6). Phương trình hồi quy được tạo ra từ mô hình này là:

$$NLGD = 1,576 + 0,272*(\text{Thực hành các môn học}) + 0,214*(\text{Thái độ với nghề}) + 0,172*(\text{Tham gia các hoạt động})$$

c. Tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến NLSP của SV

Mô hình hồi quy chứa bốn trong số sáu biến dự đoán khi đạt được trong bước thứ bốn mà không loại bỏ thêm biến nào. Mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê với F=26,033; p<0,001 và giải thích được 36,4% sự biến thiên NLSP của SV (R²=0,364). Kết quả cho thấy bốn yếu tố: Thực hành các môn học, Rèn luyện nghiệp vụ, Thái độ với nghề và Tham gia các hoạt động ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến NLSP của SV (p<0,05). Mối quan hệ giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc là mối quan hệ tác động tích cực (trị Beta dương). Nghĩa là bất kì yếu tố nào trong bốn yếu tố này được cải thiện đều có thể làm gia tăng điểm số NLSP của SV. Khi các biến được kiểm soát, nếu Thực hành các môn học tăng một điểm thì NLSP tăng 0,19 điểm, Rèn luyện nghiệp vụ tăng 1 điểm thì NLSP tăng 0,16 điểm, Thái độ với nghề tăng 1 điểm thì NLSP tăng 0,21 điểm, Tham gia các hoạt động tăng một điểm thì NLSP tăng 0,12 điểm. Theo các hệ số beta được chuẩn hóa (β), Thực hành các môn học (β= 0,243) có trọng số ảnh hưởng mạnh nhất; Rèn luyện nghiệp vụ (β=0,199), Thái độ với nghề (β=0,189) và Tham gia các hoạt động (β=0,162) có trọng số ảnh hưởng thấp hơn trong mô hình.

Các biến Phương pháp dạy học, Hỗ trợ của trường giải thích rất ít sự biến thiên về NLSP của SV do đó không được đưa vào mô hình (xem Bảng 7).

Bảng 7: Kết quả phân tích hồi quy từng bước giữa các yếu tố ảnh hưởng đến NLSP của SV

Mô hình	R	R ²	t	B	β	ĐCN	VIF	Hằng số
Thực hành các môn học	0,603	0,364	2,743**	0,192	0,243	0,444	2,255	1,403
Rèn luyện nghiệp vụ			2,443*	0,159	0,199	0,526	1,900	
Thái độ với nghề			3,035**	0,209	0,189	0,906	1,104	
Tham gia các hoạt động			2,071*	0,121	0,162	0,568	1,761	

F = 26,033; p = 0,000

Chú thích. * = $p < 0,05$; ** = $p < 0,01$. R = Hệ số tương quan; B = Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa; β = Hệ số hồi quy chuẩn hóa; ĐCN = Độ chấp nhận; VIF = Hệ số phóng đại phương sai.

Phương trình hồi quy được tạo ra từ mô hình này là:
 NLSP = 1,403 + 0,192*(Thực hành các môn học)
 + 0,159*(Rèn luyện nghiệp vụ) + 0,209*(Thái độ với
 nghề) + 0,121*(Tham gia các hoạt động).

các yếu tố: Thực hành các môn học, Rèn luyện nghiệp vụ, Thái độ với nghề, Tham gia các hoạt động có ảnh hưởng tích cực đến NLSP của SV. Kết quả này gợi ý cho việc xây dựng những chương trình rèn luyện NLSP cho SV có đầy đủ NLSP đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông mới.

3. Kết luận

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định,

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Duân - Đinh Thị Hồng Vân - Đặng Thị Dạ Thuý, (2016), *Mức độ tích hợp rèn luyện năng lực sư phạm thông qua giảng dạy khoa học cơ bản ở các trường đại học sư phạm*, Tạp chí Giáo dục, số 396(12), tr.61-64.
- [2] Nguyễn Văn Thành - Lê Việt Vinh, (2019), *Năng lực sư phạm cần có của giáo viên môn giáo dục thể chất trong trường phổ thông hiện nay*, Tạp chí Giáo dục, số 456(6), tr.47-49.
- [3] Anderson, S., & Betz, N, (2001), *Sources of social self-efficacy expectations: Their measurement and relation to career development*, Journal of Vocational Behavior, 58, p.98-117.
- [4] Labone, E, (2004), *Teacher efficacy: Maturing the construct through research in alternative paradigms*, Teaching and Teacher Education, số 20, p.341-359.
- [5] Poulou, M, (2007), *Personal teaching efficacy and its sources: Student teachers' perceptions*, Educational Psychology, 27(2), p.191-218.
- [6] Tschannen-Moran, M., & Hoy, A. W, (2007), *The differential antecedents of self-efficacy beliefs of novice and experienced teachers*, Teaching and Teacher Education, số 23, p.944-956.
- [7] Phan, N. T. T., & Locke, T, (2015), *Sources of self-efficacy of Vietnamese EFL teachers: A qualitative study*, Teaching and Teacher Education, số 52, p.73-82.
- [8] Hoàng Trọng - Chu Nguyễn Mộng Ngọc, (2008), *Phân tích dữ liệu với SPSS: Tập 1*, NXB Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

FACTORS AFFECTING PRE-SERVICE TEACHERS' PEDAGOGICAL COMPETENCE: A CASE REPORT FROM HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION

Du Thong Nhat¹, Nguyen Van Hien²,
Phan Thi Hang³

¹ Email: nhatdt@hcmue.edu.vn

² Email: hiennv@hcmue.edu.vn

³ Email: hangpt@hcmue.edu.vn

Ho Chi Minh City University of Education
 280 An Duong Vuong, Ward 4,
 District 5, Ho Chi Minh City, Vietnam

ABSTRACT: This article examines the results of research on factors affecting the pedagogical competence as perceived by 187 pre-service teachers in Ho Chi Minh City University of Education. The study aims to determine the level of self-assessment of the factors affecting students' pedagogical competence. Quantitative methods are commonly used in this research. The results showed that students who self-assess the factors of subject practicing, professional training, professional attitude, and activity participating have a positive influence on students' pedagogical competence.

KEYWORDS: Pedagogical competence; affecting factors; pre-service teachers.